UBND HUYỆN ĐĂK SONG
**TRƯỜNG TH CHU VĂN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# TRÍCH BIÊN BẢN HỌP CƠ QUAN

*Hôm nay, vào lúc 16h 30 phút ngày 29 /12/2023. Tại Trường tiểu học Chu Văn An chúng tôi gồm có:*

**I.Thành phần tham dự:**

1. Đ/c: Nguyễn Thị Hường - Chức vụ: Hiệu Trưởng – Chủ trì;
2. Đ/c: Trần Thị Hải Lý - Thư ký;
3. Tham dự 34/33 đ/c. Vặng 01 có phép

**II.Nội dung cuộc họp:**

- Đồng chí: Nguyễn Thị Hường thông qua Quyết định phân bổ, bổ sung kinh phí thức hiện chế độ tiền lương, tăng thay cho giáo viên: chế độ hổ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông theo Nghị quyết số 11/2022/NQ- HĐND của hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông cho các trường học công lập thuộc huyện;

Quy định về công khai tài chính theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán thu chi theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính và công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị. Thời điểm công bố từ ngày 29/ 12/2023 đến 29/ 1/2024.

Yêu cầu các đồng chí trong cơ quan thực hiện nghiêm túc và đúng quy định đề ra.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày, biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất./.

**THƯ KÝ**

Trần Thị Hải Lý

**CHỦ TRÌ**

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

Nguyễn Thị Hường

UBND HUYỆN ĐĂK SONG
**TRƯỜNG TH CHU VĂN AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06 /QĐ-CVA

*Đăk Song, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

# QUYẾT ĐỊNH
**"Về việc công khai bổ sung chi ngân sách Nhà nước năm 2023"**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH CHU VĂN AN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứa Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 thán 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-PGD&ĐT ngày 27/12/ 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đăk Song về việc về phân bổ, bổ sung kinh phí thức hiện chế độ tiền lương, tăng thay cho giáo viên: chế độ hổ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông theo Nghị quyết số 11/2022/NQ- HĐND của hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông cho các trường học công lập thuộc huyện.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai điều chỉnh, bổ sung chi ngân sách Nhà nước của đơn vị Trường tiểu học Chu Văn An (thông báo kèm theo).

**Điều 2.** Thông báo công khai được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2023 đến ngày 29 tháng 1 năm 2024 và thông báo rộng rãi cho cán bộ công chức trong đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán và cán bộ công chức thuộc đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***
-Như điều 3;
-Phòng Tài chính – KH;
-Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

Nguyễn Thị Hường

Biểu số: 02

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do- hạnh phúc.**

Đơn vị: Trường TH Chu Văn An
Chương: 622

# THÔNG BÁO

## CÔNG KHAI KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

*Đơn vị tính: 1 000đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Dự toán được giao | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| **A** | **DỰ TOÁN THU NĂM** | | |
| **I** | **TỔNG THU** | | |
| 1 | Thu phí, lệ phí | | |
| 2 | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ | | |
| 3 | Thu viện trợ | | |
| 4 | Thu sự nghiệp khác | | |
| **II** | **SỐ THU NỘP NS** | | |
| 1 | Thu phí, lệ phí | | |
| 2 | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ | | |
| 3 | Thu viện trợ | | |
| 4 | Thu sự nghiệp khác | | |
| **III** | **SỐ ĐƯỢC ĐỂ LẠI CHI THEO CHẾ ĐỘ** | | |
| 1 | Thu phí, lệ phí | | |
| 2 | Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ | | |
| **B** | **DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023** | | |
| **1** | **Kinh phí tự chủ** | **148.482.000** | |
| - | Kp Tăng thay cho giáo viên năm học 2022-2023 | 167.530.000 | |
| - | Trong đó tiết kiệm 10% thực hiện CCTL | | |
| | | | |
| **2** | **Kinh phí không tự chủ** | | |
| - | KP chế độ hỗ trợ chi phí học tập NQ11/2022/NQ-HĐND hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông. | 600.000 | |
| - | KP chế độ cấp bù học phí cho học sinh theo NĐ81/2021/NĐ-CP | 11.400.000 | |
| - | | | |
| | | | |
| | | | |

UBND HUYỆN ĐẮK SONG
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: 145 /QĐ-PGDĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Đắk Song, ngày 27 tháng 12 năm 2023*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền lương, tăng thay cho giáo viên; chế độ hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ; chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông cho các trường học công lập trực thuộc huyện**

**TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐẮK SONG**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Uỷ ban nhân dân huyện Đăk Song về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song;*

*Căn cứ Quyết định số 1429/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt phương án phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định số 1571/QĐ-UBND ngày 26/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc bổ sung kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán, nhiệm vụ chi năm 2023 đã giao cho các cơ quan, đơn vị;*

*Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán, nhiệm vụ chi năm 2023 đã giao cho các cơ quan, đơn vị;*

*Căn cứ Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông học kỳ I năm học 2023-2024 theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông;*

*Căn cứ Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chế độ hỗ trợ chi phí học tập, học kỳ I năm học 2023-2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chế độ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo, chế độ đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép và tăng cường tiếng việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số, học kỳ I năm học 2023-2024 theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song về việc phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm 2023;*

*Trên cơ sở thông báo kết quả thẩm tra phương án phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền lương, tăng thay cho giáo viên và các chế độ chính sách cho học sinh của Sự nghiệp giáo dục của Phòng Tài chính – Kế hoạch tại Công văn số 289/TCKH-NS ngày 26/12/2023 và đề nghị của bộ phận kế toán Phòng Giáo dục và Đào tạo,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền lương, tăng thay cho giáo viên; chế độ hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ; chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông và Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, với tổng số tiền: **4.281.324.762 đồng** *(Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm tám mươi mốt triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng)* cho các đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước trực thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo theo phụ lục số 02 đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách Nhà nước được giao năm 2023, yêu cầu thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các bộ phận chuyên môn, kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- KBNN Đắk Song;
- Các đơn vị sử dụng NSNN;
- Lưu VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H. ĐẮK SONG - T. ĐẮK NÔNG

**Mai Trần Anh**

# PHỤ LỤC SỐ 02

## DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2023

**Đơn vị: Trường Tiểu học Chu Văn An**

**Mã số sử dụng Ngân sách: 1091443**

*(Kèm theo Quyết định số: 145/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song)*

**Chương: 622 Loại: 070 Khoản: 072**

*Đơn vị tính: Đồng*

| Nội dung | Tổng số |
|---|---|
| **I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí** | |
| **1. Số thu phí, lệ phí** | |
| - Học phí | |
| - ..... | |
| **2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại** | |
| - Học phí | |
| - ..... | |
| **3. Số phí, lệ phí nộp NSNN** | |
| **II. Dự toán chi ngân sách nhà nước (622-070-072)** | **179.530.000** |
| **1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề** | **179.530.000** |
| **1.1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ** | **167.530.000** |
| *Trong đó tiết kiệm 10% điều chỉnh tiền lương* | |
| **1.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ** | **12.000.000** |
| *Trong đó tiết kiệm 10% điều chỉnh tiền lương* | |
| **2. Quản lý hành chính** | |
| 2.1 Kinh phí thực hiện tự chủ | |
| Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương | |
| 2.2 Kinh phí không thực hiện tự chủ | |
| Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương | |
| **3. Nghiên cứu khoa học** | |
| **3.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ** | |
| Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương | |
| **3.2 Kinh phí thường xuyên** | |
| Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương | |
| **3.3 Kinh phí không thường xuyên** | |
| Trong đó: kinh phí TK 10% thực hiện điều chỉnh tiền lương | |
| **4. …** | |

| Stt | Tên đơn vị | Dự toán NSNN năm 2023 | Trong đó | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Phân bổ | Bổ sung |
| | **Trường TH Chu Văn An** | **179.530.000** | **167.530.000** | **12.000.000** |
| | **Kinh phí thường xuyên** | **167530000** | **167530000** | **0** |
| + | KP tăng thay cho giáo viên năm học 2022-2023 | 167.530.000 | 167.530.000 | |
| - | **KP không thường xuyên** | **12.000.000** | **-** | **12.000.000** |
| + | KP hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND | 600.000 | | 600.000 |
| + | KP hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP | 11.400.000 | | 11.400.000 |

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẮK SONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 2429 /QĐ-UBND | *Đắk Song, ngày 30 tháng 11 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chế độ chi phí học tập cho học sinh học kỳ I, năm học 2023-2024 và truy lĩnh bổ sung chế độ học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 21/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 21/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí , hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số: 95/TTr-PGDĐT ngày 29/11/2023,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi phí học tập cho 2.483 học sinh học kỳ I, năm học 2023-2024 và truy lĩnh bổ sung cho 10 học sinh học kỳ II, năm học 2022-2023 theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ và Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BGDĐT ngày 21/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với số tiền: **1.497.300.000 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng)*. Cụ thể như sau:

- Chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2023-2024: 2.483 hồ sơ với số tiền: 1.489.800.000 đồng;

- Truy lĩnh bổ sung chế độ hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II, năm học 2022-2023: 10 hồ sơ với số tiền: 7.500.000 đồng.

*(cụ thể có danh sách chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước Đắk Song, Hiệu trưởng các *trường có liên quan thực hiện giải quyết các chế độ chính sách đúng đối tượng và* thanh quyết toán theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Song, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các trường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- CT, Các CT UBND huyện;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG T. ĐẮK NÔNG

**Nguyễn Ngọc Thân**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2023-2024 VÀ BỔ SUNG HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022-2023 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VÀ VĂN BẢN HỢP NHẤT SỐ 07/VBHN NGÀY 21/7/2023 CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2429 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân huyện Đắk Song)*

*ĐVT: Đồng*

| TT | Chỉ tiêu | Kết quả thực hiện hỗ trợ chi phí học tập | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số đối tượng | Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2022-2023 | Số đối tượng | Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2023-2024 | Tổng cộng |
| **I** | **Trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ** | **1** | **750.000** | **2** | **1.200.000** | **1.950.000** |
| | **BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ** | **1** | **750.000** | **2** | **1.200.000** | **1.950.000** |
| 1 | Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi | 1 | 750.000 | 2 | 1.200.000 | 1.950.000 |
| **II** | **Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông bị khuyết tật** | | | **10** | **6.000.000** | **6.000.000** |
| | **BẬC TIỂU HỌC** | | | **2** | **1.200.000** | **1.200.000** |
| 1 | Trường TH Nguyễn Viết Xuân | | - | 1 | 600.000 | 600.000 |
| 2 | Trường TH Trương Vương | | - | 1 | 600.000 | 600.000 |
| | **BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ** | **-** | **-** | **8** | **4.800.000** | **4.800.000** |
| 1 | Trường THCS Lê Qúy Đôn | | - | 5 | 3.000.000 | 3.000.000 |
| 2 | Trường THCS Lý Thường Kiệt | | | 3 | 1.800.000 | 1.800.000 |
| **III** | **Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng** | **4** | **3.000.000** | **895** | **537.000.000** | **540.000.000** |
| | **BẬC MẦM NON** | **1** | **750.000** | **144** | **86.400.000** | **87.150.000** |
| | **Các cơ sở giáo dục mầm non công lập** | **1** | **750.000** | **128** | **76.800.000** | **77.550.000** |
| 1 | Trường MN Họa My | | - | 17 | 10.200.000 | 10.200.000 |
| 2 | Trường MN Tạ Thị Kiều | | - | 10 | 6.000.000 | 6.000.000 |
| 3 | Trường MN Hoa Mai | | - | 21 | 12.600.000 | 12.600.000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Trường MN Hướng Dương | | - | 24 | 14.400.000 | 14.400.000 |
| 5 | Trường MN Vành Khuyên | 1 | 750.000 | 1 | 600.000 | 1.350.000 |
| 6 | Trường MN Sơn Ca | | - | 6 | 3.600.000 | 3.600.000 |
| 7 | Trường MN Hoa Sen | | - | 7 | 4.200.000 | 4.200.000 |
| 8 | Trường MN Hoa Hồng | | - | 26 | 15.600.000 | 15.600.000 |
| 9 | Trường MN Hoa Ban | | - | 16 | 9.600.000 | 9.600.000 |
| **Các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập** | | **-** | **-** | **16** | **9.600.000** | **9.600.000** |
| 1 | Trường MN Tư Thục An Thành | | - | 2 | 1.200.000 | 1.200.000 |
| 2 | Trường MN Tư Thục Ánh Dương | | - | 1 | 600.000 | 600.000 |
| 3 | Nhóm trẻ độc lập tư thục Gà Con | | - | 6 | 3.600.000 | 3.600.000 |
| 4 | NHóm trẻ, lớp MG độc lập tư thục Tuổi Thơ | | - | 1 | 600.000 | 600.000 |
| 5 | Trường MNTT Tuổi Ngọc | | - | 2 | 1.200.000 | 1.200.000 |
| 6 | Lớp mầm non tư thục Họa My | | - | 4 | 2.400.000 | 2.400.000 |
| **BẬC TIỂU HỌC** | | **2** | **1.500.000** | **500** | **300.000.000** | **301.500.000** |
| 1 | Trường TH&THCS Bế Văn Đàn (bậc TH) | 2 | 1.500.000 | 46 | 27.600.000 | 29.100.000 |
| 2 | Trường TH Trần Quốc Toản | | - | 10 | 6.000.000 | 6.000.000 |
| 3 | Trường TH Nguyễn Viết Xuân | | - | 26 | 15.600.000 | 15.600.000 |
| 4 | Trường TH Kim Đồng | | - | 39 | 23.400.000 | 23.400.000 |
| 5 | Trường TH Ngô Gia Tự | | - | 46 | 27.600.000 | 27.600.000 |
| 6 | Trường TH Chu Văn An | | - | 19 | 11.400.000 | 11.400.000 |
| 7 | Trường TH Nguyễn Đình Chiểu | | - | 31 | 18.600.000 | 18.600.000 |
| 8 | Trường TH Lê Văn Tám | | - | 53 | 31.800.000 | 31.800.000 |
| 9 | Trường TH Lê Đình Chinh | | - | 21 | 12.600.000 | 12.600.000 |
| 10 | Trường TH Võ Thị Sáu | | - | 71 | 42.600.000 | 42.600.000 |
| 11 | Trường TH Lương Thế Vinh | | - | 12 | 7.200.000 | 7.200.000 |
| 12 | Trường TH Trưng vương | | - | 85 | 51.000.000 | 51.000.000 |
| 13 | Trường TH Tô Hiệu | | - | 16 | 9.600.000 | 9.600.000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm | | - | 6 | 3.600.000 | 3.600.000 |
| 15 | Trường TH Trần Hưng Đạo | | - | 19 | 11.400.000 | 11.400.000 |
| **BẬC THCS** | | **1** | **750.000** | **251** | **150.600.000** | **151.350.000** |
| 1 | Trường THCS Nguyễn Tất Thành | | - | 35 | 21.000.000 | 21.000.000 |
| 2 | Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi | | - | 17 | 10.200.000 | 10.200.000 |
| 3 | Trường THCS Trần Phú | | - | 20 | 12.000.000 | 12.000.000 |
| 4 | Trường THCS Lê Qúy Đôn | | - | 24 | 14.400.000 | 14.400.000 |
| 5 | Trường THCS Nguyễn Trãi | | - | 29 | 17.400.000 | 17.400.000 |
| 6 | Trường THCS Nguyễn Du | 1 | 750.000 | 63 | 37.800.000 | 38.550.000 |
| 7 | Trường THCS Lý Thường Kiệt | | - | 36 | 21.600.000 | 21.600.000 |
| 8 | Trường TH &THCS Bế Văn Đàn | | - | 27 | 16.200.000 | 16.200.000 |
| **IV** | **Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông ở thôn đặc biệt khó khăn** | **5** | **3.750.000** | **1.576** | **945.600.000** | **949.350.000** |
| | **Bậc Mầm non** | **-** | **-** | **346** | **207.600.000** | **207.600.000** |
| 1 | Trường MN Hướng Dương | | - | 91 | 54.600.000 | 54.600.000 |
| 2 | Trường MN Hoa Hồng | | - | 255 | 153.000.000 | 153.000.000 |
| | **Bậc tiểu học** | **5** | **3.750.000** | **802** | **481.200.000** | **484.950.000** |
| 1 | Trường TH Nguyễn Đình Chiểu | | - | 17 | 10.200.000 | 10.200.000 |
| 2 | Trường TH Lê Đình Chinh | | - | 16 | 9.600.000 | 9.600.000 |
| 3 | Trường TH Lê Văn Tám | | - | 189 | 113.400.000 | 113.400.000 |
| 4 | Trường TH Võ Thị Sáu | | - | 381 | 228.600.000 | 228.600.000 |
| 5 | Trường TH Trưng vương | 5 | 3.750.000 | 199 | 119.400.000 | 123.150.000 |
| | **Bậc THCS** | **-** | **-** | **428** | **256.800.000** | **256.800.000** |
| 1 | Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi | | - | 1 | 600.000 | 600.000 |
| 2 | Trường THCS Lê Qúy Đôn | | - | 344 | 206.400.000 | 206.400.000 |
| 3 | Trường THCS Lý Thường Kiệt | | - | 83 | 49.800.000 | 49.800.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | **10** | **7.500.000** | **2.483** | **1.489.800.000** | **1.497.300.000** |

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN ĐẮK SONG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2438 /QĐ-UBND | *Đắk Song, ngày 04 tháng 12 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông học kỳ I năm học 2023-2024 theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;*

*Theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số: 98/TTr-PGDĐT ngày 30/11/2023,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách các trường được hỗ trợ chi phí học tập cho 345 học sinh đủ điều kiện hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo và trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là thành viên thuộc hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững học kỳ I năm học 2023-2024, với số tiền: **203.800.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai trăm lẻ ba triệu tám trăm nghìn đồng),* cụ thể như sau:

- Chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo: 329 đối tượng, với số tiền: 197.400.000 đồng;

- Chế độ hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông là thành viên thuộc hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững: 16 đối tượng, với số tiền: 6.400.000 đồng;

*(cụ thể có danh sách chi tiết kèm theo).*

***Điều 2.*** *Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Tài chính* - Kế hoạch huyện, Kho bạc Nhà nước Đắk Song, Hiệu trưởng các trường có liên

quan thực hiện giải quyết các chế độ chính sách đúng đối tượng và thanh quyết toán theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Song, thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các trường có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- CT, Các CT UBND huyện;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Thân**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH CHO TRẺ EM MẪU GIÁO VÀ HỌC SINH PHỔ THÔNG DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC HỘ CẬN NGHÈO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/2022/NQ-HĐND**

**Học kỳ I, năm học 2023-2024 (Tháng 9 đến tháng 12 năm 2023)**

*(Kèm theo Quyết định số: 2438/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)*

| TT | Năm học | Tổng số học sinh được thụ hưởng | Định mức hỗ trợ/tháng/học sinh (đồng) | Số tháng được hưởng | Tổng kinh phí thực hiện (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | *1* | *2* | *3* | *4=1*2*3* | |
| **BẬC MẦM NON** | | **51** | | | **30.600.000** | |
| 1 | Trường MN Họa My | 24 | 150.000 | 4 | 14.400.000 | |
| 2 | Trường MN Tạ Thị Kiều | 3 | 150.000 | 4 | 1.800.000 | |
| 3 | Trường MN Hướng Dương | 14 | 150.000 | 4 | 8.400.000 | |
| 4 | Trường MN Sơn Ca | 1 | 150.000 | 4 | 600.000 | |
| 5 | Trường MN Hoa Ban | 9 | 150.000 | 4 | 5.400.000 | |
| **BẬC TIỂU HỌC** | | **173** | | | **103.800.000** | |
| 1 | Trường TH&THCS Bế Văn Đàn (bậc TH) | 17 | 150.000 | 4 | 10.200.000 | |
| 2 | Trường TH Trần Quốc Toản | 5 | 150.000 | 4 | 3.000.000 | |
| 3 | Trường TH Nguyễn Viết Xuân | 4 | 150.000 | 4 | 2.400.000 | |
| 4 | Trường TH Kim Đồng | 4 | 150.000 | 4 | 2.400.000 | |
| 5 | Trường TH Ngô Gia Tự | 101 | 150.000 | 4 | 60.600.000 | |
| 6 | Trường TH Chu Văn An | 1 | 150.000 | 4 | 600.000 | |
| 7 | Trường TH Nguyễn Đình Chiểu | 5 | 150.000 | 4 | 3.000.000 | |
| 8 | Trường TH Lê Văn Tám | 10 | 150.000 | 4 | 6.000.000 | |
| 9 | Trường TH Lê Đình Chinh | 9 | 150.000 | 4 | 5.400.000 | |
| 11 | Trường TH Lương Thế Vinh | 1 | 150.000 | 4 | 600.000 | |
| 12 | Trường TH Trưng vương | 10 | 150.000 | 4 | 6.000.000 | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Trường TH Tô Hiệu | 1 | 150.000 | 4 | 600.000 | |
| 14 | Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm | 3 | 150.000 | 4 | 1.800.000 | |
| 15 | Trường TH Trần Hưng Đạo | 2 | 150.000 | 4 | 1.200.000 | |
| **BẬC THCS** | | **105** | | | **63.000.000** | |
| 1 | Trường THCS Nguyễn Tất Thành | 1 | 150.000 | 4 | 600.000 | |
| 2 | Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi | 13 | 150.000 | 4 | 7.800.000 | |
| 3 | Trường THCS Trần Phú | 3 | 150.000 | 4 | 1.800.000 | |
| 4 | Trường THCS Nguyễn Trãi | 53 | 150.000 | 4 | 31.800.000 | |
| 5 | Trường THCS Nguyễn Du | 5 | 150.000 | 4 | 3.000.000 | |
| 6 | Trường THCS Lý Thường Kiệt | 6 | 150.000 | 4 | 3.600.000 | |
| 7 | Trường TH &THCS Bế Văn Đàn | 24 | 150.000 | 4 | 14.400.000 | |
| | **Tổng cộng** | **329** | **0** | **0** | **197.400.000** | |

***Tổng số tiền (bằng chữ): Một trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng.***

UỶ BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHÍNH SÁCH CHO TRẺ EM MẪU GIÁO VÀ HỌC SINH PHỔ THÔNG LÀ THÀNH VIÊN TRONG HỘ THOÁT NGHÈO VƯỢT QUA CHUẨN CẬN NGHÈO CÓ ĐƠN TỰ NGUYỆN ĐĂNG KÝ CAM KẾT THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 11/2022/NQ-HĐND CỦA HĐND TỈNH ĐẮK NÔNG**

**Học kỳ I, năm học 2023-2024 (Tháng 9 đến tháng 12 năm 2023)**

*(Kèm theo Quyết định số: 2438/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)*

| Stt | Đơn vị | Tổng số lượng học sinh con hộ mới thoát nghèo | Hỗ trợ học sinh phổ thông các cấp | | | Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Số lượng | Mức hỗ trợ (100.000/đồng/ tháng/học sinh*4 tháng) | Thành tiền (đồng) | | |
| *A* | *B* | *1* | *2* | *3* | *4=2*3* | *5* | *6* |
| **BẬC MẦM NON** | | **0** | **0** | | **0** | **0** | |
| **BẬC TIỂU HỌC** | | **15** | **15** | | **6.000.000** | **6.000.000** | |
| 1 | Trường TH Ngô Gia Tự | 7 | 7 | 400.000 | 2.800.000 | 2.800.000 | |
| 2 | Trường TH Nguyễn Đình Chiểu | 1 | 1 | 400.000 | 400.000 | 400.000 | |
| 3 | Trường TH Trưng vương | 2 | 2 | 400.000 | 800.000 | 800.000 | |
| 4 | Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm | 5 | 5 | 400.000 | 2.000.000 | 2.000.000 | |
| **BẬC THCS** | | **1** | **1** | | **400.000** | **400.000** | |
| 1 | Trường THCS Nguyễn Tất Thành | 1 | 1 | 400.000 | 400.000 | 400.000 | |
| **Tổng cộng** | | **16** | **16** | **0** | **6.400.000** | **6.400.000** | |

***Tổng số tiền (bằng chữ): Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng.***

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục: Tổng dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định các chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025**

*(Kèm theo Quyết định số: 2438/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song)*

| TT | Tên chính sách | Tổng số lượng đối tượng (hộ, lượt người) dự kiến được thụ hưởng | Tổng kinh phí thực hiện (đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo | 329 | 197.400.000 | 100% ngân sách tỉnh |
| 2 | Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho con hộ thoát nghèo | 16 | 6.400.000 | |
| **Tổng cộng** | | **345** | **203.800.000** | |

***Tổng số tiền (bằng chữ): Hai trăm lẻ ba triệu tám trăm nghìn đồng***